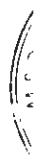


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-38
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Vũ Đình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Lê Ngọc Sơn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Văn Thục	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/5/2021
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/04/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Số: 100821.001/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

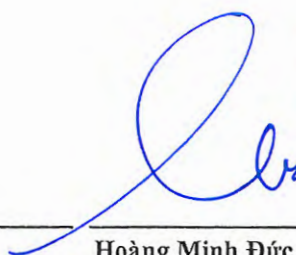
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		456.253.947.821	333.212.472.451
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52.658.235.630	55.517.250.501
111	1. Tiền		52.658.235.630	17.517.250.501
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	38.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	223.000.000.000	198.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		223.000.000.000	198.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		127.347.772.585	58.146.999.699
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	300.716.662.629	233.105.004.818
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21.211.585.407	13.374.861.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.521.558.895	14.769.167.268
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(203.102.034.346)	(203.102.034.346)
140	IV. Hàng tồn kho	9	46.814.562.474	17.870.671.905
141	1. Hàng tồn kho		46.814.562.474	17.870.671.905
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.433.377.132	3.677.550.346
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		829.598.811	373.802.248
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.344.930.830	3.044.900.607
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	258.847.491	258.847.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		297.395.288.358	300.612.477.615
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.268.440.794	2.268.440.794
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.268.440.794	1.268.440.794
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.000.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		16.483.069.399	16.619.197.267
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.326.902.934	1.458.030.804
222	- Nguyên giá		8.405.415.396	8.375.060.851
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.078.512.462)	(6.917.030.047)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.156.166.465	15.161.166.463
228	- Nguyên giá		15.692.599.200	15.692.599.200
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(536.432.735)	(531.432.737)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	-	-
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.545.622.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		370.454.545	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		370.454.545	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	234.507.825.113	234.507.825.113
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.736.365.649)	(35.736.365.649)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		43.765.498.507	47.217.014.441
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	43.765.498.507	47.217.014.441
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		753.649.236.179	633.824.950.066

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		234.598.681.849	140.591.717.634
310	I. Nợ ngắn hạn		234.598.681.849	140.591.717.634
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	122.997.870.189	32.076.195.274
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	11.793.013.459	13.430.667.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	161.966.155	1.200.907.725
314	4. Phải trả người lao động		4.602.853.299	6.417.299.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		173.694.027	222.965.719
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		774.917.478	876.417.478
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.759.160.819	3.121.217.396
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	85.161.949.442	81.777.417.310
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.173.256.981	1.468.629.326
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		519.050.554.330	493.233.232.432
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	519.050.554.330	493.233.232.432
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.763.147.666	18.763.147.666
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		113.901.406.664	88.084.084.766
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		81.611.190.444	31.611.529.400
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		32.290.216.220	56.472.555.366
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		753.649.236.179	633.824.950.066


Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	131.909.033.788	125.756.966.500
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.909.033.788	125.756.966.500
11	4. Giá vốn hàng bán	22	123.989.446.718	121.865.758.154
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.919.587.070	3.891.208.346
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	46.977.172.082	70.859.887.110
22	7. Chi phí tài chính	24	531.783.830	119.256.064
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		282.581.371	119.256.064
25	8. Chi phí bán hàng	25	4.405.368.063	5.442.626.794
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.766.891.039	41.937.887.477
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.192.716.220	27.251.325.121
31	11. Thu nhập khác	27	97.500.000	-
32	12. Chi phí khác		-	110.908.600
40	13. Lợi nhuận khác		97.500.000	(110.908.600)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.290.216.220	27.140.416.521
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32.290.216.220	27.140.416.521


Trần Thanh Tùng
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngPhạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		32.290.216.220	27.140.416.521
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		166.482.413	155.438.208
03	- Các khoản dự phòng		-	20.133.051.808
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		66.183.992	(12.166)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(46.977.157.680)	(70.824.895.824)
06	- Chi phí lãi vay		282.581.371	119.256.064
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.171.693.684)	(23.276.745.389)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(70.867.271.603)	(9.118.859.615)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.943.890.569)	1.541.583.158
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		86.245.081.538	2.685.040.220
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.995.719.371	2.024.860.742
14	- Tiền lãi vay đã trả		(271.853.063)	(119.256.064)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.768.266.667)	(1.017.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.782.174.677)	(27.280.376.948)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(400.809.090)	(45.900.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(110.000.000.000)	(60.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		85.000.000.000	15.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.343.626.174	66.915.060.208
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.942.817.084	21.869.160.208
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		41.274.971.442	7.530.876.017
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(37.890.439.310)	(7.530.876.017)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(404.086.400)	(55.616.407)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.980.445.732	(55.616.407)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.858.911.861)	(5.466.833.147)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.517.250.501	22.219.962.461
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(103.010)	12.166
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>52.658.235.630</u>	<u>16.753.141.480</u>



Trần Thanh Tùng
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng




Phạm Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 55 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 57 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có duy nhất một đơn vị trực thuộc là Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn. Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn		Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả và các khoản chi phí khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	444.724.965	322.608.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.213.510.665	17.194.641.552
Các khoản tương đương tiền	-	38.000.000.000
	<u><u>52.658.235.630</u></u>	<u><u>55.517.250.501</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	223.000.000.000	-	198.000.000.000	-
	<u><u>223.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>198.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

(*) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,3%/năm.

Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 50.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 18).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.628.213.760	(30.000.000.000)	79.628.213.760	(30.000.000.000)
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(4.289.108.220)	189.168.719.573	(4.289.108.220)
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.432.005.430)	3.621.000.000	(1.432.005.430)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	270.244.190.762	(35.736.365.649)	270.244.190.762	(35.736.365.649)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng ban kiểm soát là đại diện của Công ty, các cổ đông khác phần lớn là cổ đông nhỏ lẻ, mỗi cổ đông nắm giữ tỷ lệ không đáng kể nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại máy móc và thiết bị

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 32.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dứa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(*): Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(15.381.516.087)
Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	19.866.566.845	-	3.919.498.939	-
Công ty cổ phần Dầu khí Thái Dương	33.003.187.580	-	-	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	26.702.570.016	(26.676.411.808)	20.121.771.510	(20.121.805.615)
Phải thu các khách hàng khác	76.546.743.239	(27.364.537.036)	64.466.139.420	(27.364.537.036)
	<u>301.985.103.423</u>	<u>(199.906.984.587)</u>	<u>234.373.445.612</u>	<u>(193.352.378.394)</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	300.716.662.629	(199.906.984.587)	233.105.004.818	(193.352.378.394)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	1.268.440.794	-	1.268.440.794	-
	<u>301.985.103.423</u>	<u>(199.906.984.587)</u>	<u>234.373.445.612</u>	<u>(193.352.378.394)</u>
c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>26.894.393.765</u>	<u>(26.676.411.808)</u>	<u>20.289.611.510</u>	<u>(20.121.805.615)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phú Thái (*)	10.635.634.470	-	10.635.634.470	-
Công ty Cổ phần Cơ điện EME	4.210.668.000	-		
Công ty CP thương mại Nam Á	2.127.947.508	-		
Trả trước người bán khác	3.273.735.429	(942.380.664)	1.775.627.489	(942.380.664)
	21.211.585.407	(942.380.664)	13.374.861.959	(942.380.664)

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng đại tu các van lò hơi cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Xem tại thuyết minh số 15- Người mua trả tiền trước ngắn hạn).

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.989.747.945	-	4.356.216.439	-
Tạm ứng	684.600.000	-	1.033.200.000	-
Ký cược, ký quỹ	384.739.456	-	376.841.063	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	-	-	6.554.639.724	(6.554.606.193)
Phải thu khác	2.462.471.494	(2.252.669.095)	2.448.270.042	(2.252.669.095)
	8.521.558.895	(2.252.669.095)	14.769.167.268	(8.807.275.288)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	-	-	6.578.623.473	(6.554.606.193)

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

8 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
- Công ty Cổ phần Viccom	1.087.732.500	1.087.732.500	1.087.732.500	1.087.732.500
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị dầu khí Sài Gòn	26.676.411.808	-	26.676.411.808	-
- Các khoản khác	21.404.763.535	4.812.821.058	21.404.763.535	4.812.821.058
	203.102.034.346	159.833.680.061	203.102.034.346	159.833.680.061

(*) Công ty đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% đối với các khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Viccom, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội và một số khoản công nợ phải thu khó đòi khác. Đồng thời, Công ty vẫn đang tích cực thực hiện các biện pháp trực tiếp như khởi kiện các đối tác, đơn đốc các bộ phận có liên quan nhằm thu hồi công nợ. Do đó, Ban Tổng giám đốc Công ty tin tưởng rằng có thể thu hồi được khoản nợ xấu này trong tương lai và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ này bằng giá gốc khoản công nợ phải thu.

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	373.617.693	-	373.617.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.818.023.880	-	17.471.835.847	-
Hàng hoá (*)	30.622.920.901	-	25.218.365	-
	46.814.562.474	-	17.870.671.905	-

(*) Hàng hóa tồn kho cuối kỳ chủ yếu là các sản phẩm thép Công ty mua của Công ty Cổ phần Kim khí Quốc tế Việt Nhật với mục đích thương mại và đang để tại kho của đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.211.033.146	6.730.534.178	433.493.527	8.375.060.851
- Mua trong kỳ	-	-	30.354.545	30.354.545
Số dư cuối kỳ	1.211.033.146	6.730.534.178	463.848.072	8.405.415.396
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.042.536.098	5.470.899.172	403.594.777	6.917.030.047
- Khấu hao trong kỳ	29.191.182	116.720.778	15.570.455	161.482.415
Số dư cuối kỳ	1.071.727.280	5.587.619.950	419.165.232	7.078.512.462
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	168.497.048	1.259.635.006	29.898.750	1.458.030.804
Tại ngày cuối kỳ	139.305.866	1.142.914.228	44.682.840	1.326.902.934

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.527.422.643 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.144.634.200	547.965.000	15.692.599.200
Số dư cuối kỳ	15.144.634.200	547.965.000	15.692.599.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	531.432.737	531.432.737
- Khấu hao trong kỳ	-	4.999.998	4.999.998
Số dư cuối kỳ	-	536.432.735	536.432.735
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.144.634.200	16.532.263	15.161.166.463
Tại ngày cuối kỳ	15.144.634.200	11.532.265	15.156.166.465

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 517.965.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại thửa đất số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với diện tích 137,4m²;
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số 12, tờ bản đồ số 48 GCNQSD số BU 367691 tại tổ 27, Phường Vĩnh Diệm, Q. Lê Chân - Hải phòng với diện tích 92,4m².

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối kỳ	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối kỳ	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và đất tại Bãi Tràm, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	14.119.516.962	16.650.490.549
Tiền thuê văn phòng	1.067.542.071	2.008.038.341
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.505.553	15.234.482
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	317.148
	<u>43.765.498.507</u>	<u>47.217.014.441</u>

(*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 8 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Kể từ năm 2014, Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh do Công ty đang thực hiện các thủ tục bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hằng năm với các cơ quan quản lý Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	1.808.642.437	1.808.642.437	5.831.446.807	5.831.446.807
Công ty Cổ phần LICOI13	2.911.002.099	2.911.002.099	4.111.600.504	4.111.600.504
Công ty CP kim khí quốc tế Việt Nhật	33.657.472.789	33.657.472.789	-	-
Công ty TNHH IPC	32.980.459.710	32.980.459.710	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất thương mại Hà Minh	12.699.787.980	12.699.787.980	-	-
Namvie Pte.Ltd., Singapore	11.784.254.058	11.784.254.058	1.987.377.666	1.987.377.666
Phải trả các đối tượng khác	27.156.251.116	27.116.251.116	20.145.770.297	20.145.770.297
	122.997.870.189	122.957.870.189	32.076.195.274	32.076.195.274
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	40.000.000	40.000.000	4.399.999	4.399.999

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	8.843.685.200	8.843.685.200
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ kỹ thuật DTL	60.348.255	2.250.741.636
Công ty cổ phần SENKA INTERNATIONAL	1.850.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	29.180.004	1.326.440.736
	11.793.013.459	13.430.667.572
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
	-	734.621.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	226.029.799	-	226.029.799	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	714.152.407	714.152.407	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491	-	-	-	123.847.491	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	930.845.178	637.230.638	1.444.946.622	-	123.129.194
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	135.000.000	-	1.834.710.561	1.834.710.561	135.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	44.032.748	1.839.068	7.034.855	-	38.836.961
	258.847.491	1.200.907.725	3.192.932.674	4.231.874.244	258.847.491	161.966.155

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	62.361.478	114.628.291
- Bảo hiểm xã hội	177.354.960	-
- Bảo hiểm y tế	31.297.944	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.026.732	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.000.000	92.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.338.597.930	2.742.684.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.521.775	171.904.775
	2.759.160.819	3.121.217.396

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (1)	43.886.978.000	43.886.978.000	-	-	43.886.978.000	43.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	37.890.439.310	37.890.439.310	41.274.971.442	37.890.439.310	41.274.971.442	41.274.971.442
	81.777.417.310	81.777.417.310	41.274.971.442	37.890.439.310	85.161.949.442	85.161.949.442

(1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCDK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán;
- Lãi suất cho vay: Chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tuy nhiên, ngân hàng không xác nhận có khoản lãi vay nào liên quan;
- Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 30/06/2021: 43.886.978.000 đồng;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần. Hiện tại, Công ty đang làm việc với ngân hàng PVCB về lộ trình và phương án trả nợ phù hợp.

(2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/20/HM/204 ngày 21/09/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Vay Nhập khẩu vật tư hệ thống nước làm mát;
- Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng;
- Lãi suất cho vay: 6,1 %/năm;
- Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 30/06/2021: 41.274.971.442 đồng;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với số dư tại thời điểm 30/6/2021 là 50.000.000.000 đồng theo các hợp đồng cầm cố giữa Công ty và các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	64.552.870.694	469.702.018.360
Lãi trong kỳ trước	-	-	27.140.416.521	27.140.416.521
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.420.276.250)	(5.420.276.250)
Số dư cuối kỳ trước	386.386.000.000	18.763.147.666	86.273.010.965	491.422.158.631
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	88.084.084.766	493.233.232.432
Lãi trong kỳ này	-	-	32.290.216.220	32.290.216.220
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(6.472.894.322)	(6.472.894.322)
Số dư cuối kỳ nay	386.386.000.000	18.763.147.666	113.901.406.664	519.050.554.330

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành (bằng 13% lợi nhuận sau thuế)	6.472.894.322
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ) (i)	38.638.600.000

(i) Đến thời điểm 30/06/2021, Công ty chưa chốt danh sách chi trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0,00%	-	51,58%	199.314.300.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5,98%	23.101.100.000	9,90%	38.269.100.000
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91%	65.351.000.000	0,00%	-
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12%	70.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	58,99%	227.933.900.000	38,51%	148.802.600.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>386.386.000.000</i>	<i>386.386.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>386.386.000.000</i>	<i>386.386.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>2.742.684.330</i>	<i>3.113.390.437</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(404.086.400)</i>	<i>(55.616.407)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>2.338.597.930</i>	<i>3.057.774.030</i>
d) Cổ phiếu	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.638.600</i>	<i>38.638.600</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.638.600</i>	<i>38.638.600</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.763.147.666	18.763.147.666
	18.763.147.666	18.763.147.666

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê nhà đất tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội với diện tích đất thuê là 1.202,5 m² và thuê 23.600 m² đất tại đường Đào Cam Mộc, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và làm trụ sở văn phòng.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.183,58	1.193,48

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	119.326.613.061	101.566.864.563
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.834.128.311	14.264.962.109
Doanh thu hợp đồng xây lắp	1.748.292.416	9.925.139.828

	131.909.033.788	125.756.966.500
--	------------------------	------------------------

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

	1.174.623.987	900.597.321
--	----------------------	--------------------

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	113.359.738.468	100.445.615.700
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.914.692.518	11.861.126.734
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	1.715.015.732	9.559.015.720

	123.989.446.718	121.865.758.154
--	------------------------	------------------------

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.318.618.285	5.336.096.216
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.658.539.395	65.488.799.608
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.402	34.979.120
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	12.166

	46.977.172.082	70.859.887.110
--	-----------------------	-----------------------

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	282.581.371	119.256.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	183.018.467	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	66.183.992	-

	531.783.830	119.256.064
--	--------------------	--------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.118.698	50.829.337
Chi phí nhân công	2.710.948.798	3.223.015.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.405.208.017	1.299.125.001
Chi phí khác bằng tiền	271.092.550	869.656.697
	4.405.368.063	5.442.626.794

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	256.996.889	331.400.312
Chi phí nhân công	8.412.390.746	9.633.850.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.482.413	155.438.208
Thuế, phí, lệ phí	6.859.068	103.506.188
Chi phí dự phòng	-	20.133.051.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.251.868.561	2.075.655.063
Chi phí khác bằng tiền	6.672.293.362	9.504.985.592
	17.766.891.039	41.937.887.477

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	97.500.000	-
	97.500.000	-

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.290.216.220	27.140.416.521
Các khoản điều chỉnh giảm	(41.658.539.395)	(65.488.799.608)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.658.539.395)	(65.488.799.608)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(9.368.323.175)	(38.348.383.087)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(123.847.491)	(123.847.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(123.847.491)	(123.847.491)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động thương mại. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 26.

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.658.235.630	-	55.517.250.501	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	311.506.662.318	(202.159.653.682)	250.142.612.880	(202.159.653.682)
Các khoản cho vay	223.000.000.000	-	198.000.000.000	-
	<u>587.164.897.948</u>	<u>(202.159.653.682)</u>	<u>503.659.863.381</u>	<u>(202.159.653.682)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			85.161.949.442	81.777.417.310
Phải trả người bán, phải trả khác			125.757.031.008	35.197.412.670
Chi phí phải trả			173.694.027	222.965.719
			<u>211.092.674.477</u>	<u>117.197.795.699</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương ương tiền	52.658.235.630	-	-	52.658.235.630
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.078.567.842	2.268.440.794	-	109.347.008.636
Các khoản cho vay	223.000.000.000	-	-	223.000.000.000
	382.736.803.472	2.268.440.794	-	385.005.244.266
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương ương tiền	55.517.250.501	-	-	55.517.250.501
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.714.518.404	2.268.440.794	-	47.982.959.198
Các khoản cho vay	198.000.000.000	-	-	198.000.000.000
	299.231.768.905	2.268.440.794	-	301.500.209.699

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	85.161.949.442	-	-	85.161.949.442
Phải trả người bán, phải trả khác	125.757.031.008	-	-	125.757.031.008
Chi phí phải trả	173.694.027	-	-	173.694.027
	<u>211.092.674.477</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>211.092.674.477</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	81.777.417.310	-	-	81.777.417.310
Phải trả người bán, phải trả khác	35.197.412.670	-	-	35.197.412.670
Chi phí phải trả	222.965.719	-	-	222.965.719
	<u>117.197.795.699</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>117.197.795.699</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**





Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	560.907.287	504.310.425
Phạm Văn Hiệp - Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/04/2021)	307.636.585	253.546.100
Lê Ngọc Sơn - Giám đốc (Miễn nhiệm 27/04/2021)	253.270.702	65.447.305
Nguyễn Đình Trung - Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/04/2020)	-	185.317.020
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các thành viên quản lý khác	2.145.387.916	1.597.640.500
Lê Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	235.687.188	203.654.300
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	243.278.685	202.313.300
Trương Văn Thục - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/5/2021)	239.600.262	202.313.300
Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/04/2021)	190.953.750	202.313.300
Bùi Hữu Lạc - Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/11/2020)	-	202.313.300
Trần Văn Long- Ủy viên HĐQT	560.907.287	-
Nguyễn Minh Tuấn- Ủy viên HĐQT	248.445.904	203.654.300
Lý Thu Vân- Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	201.399.395	191.813.300
Hoàng Minh Đức- Kế toán trưởng	225.115.445	189.265.400

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/> Trần Thanh Tùng Người lập	 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/> Hoàng Minh Đức Kế toán trưởng	 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/> <div style="text-align: center;">  </div> Phạm Văn Hiệp Tổng Giám đốc
---	---	---

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021